

- *Tăng nguy cơ xuất huyết nếu dùng với thuốc chống đông (heparin, kháng vitamin K) hay chống ngưng tập tiểu cầu. Aspirin liều thấp (100-160mg/ngày) cũng có tác dụng giảm tỷ lệ tử vong cùng tác dụng Streptokinase mà không làm tăng nguy cơ xuất huyết.*

Streptokinase - Streptodornase

Hỗn hợp enzym lấy từ nuôi cấy các chủng *Streptococcus haemolyticus* khác nhau. Enzym tuyến tụy, phân hủy protein, tiêu fibrin

Strophanthin K

Glucosid cường tim

Tên khác : Strophanthin ; Strophanthinum; Strophanthina K; Cymarine ; Strofan K

Strychnin

Dạng thuốc : Ống tiêm 1ml= 1mg

Strychnin chiết xuất từ hạt Mã tiền.

Chỉ định : Liệt thần kinh, suy nhược, chân tay bắp thịt mệt mỏi, liệt dương. Người già ốm yếu. Kích thích tiêu hóa cho người dưỡng bệnh.

Liều dùng : Theo chỉ dẫn của thầy thuốc- mỗi lần tiêm bắp thịt 1 ống, ngày tiêm 2 ống. Trong bệnh tê liệt dây thần kinh phải tiêm liều tăng dần, bắt đầu tiêm 0,002g, mỗi ngày tăng thêm 1mg, dần dần có thể tới 5mg mỗi ngày, rồi lại rút xuống mỗi ngày 2mg đến liều ban đầu.

Trẻ em dưới 2 tuổi không được dùng. Liều tối đa dùng cho người lớn 1 lần : 0,002g, 24 giờ : 0,005g. Liều tối đa với trẻ em 2 tuổi : 1 lần : 0,25mg, 1 ngày : 5mg ; 3-4 tuổi 1 lần : 0,3mg, 1 ngày : 0,6mg ; 5-6 tuổi : 1 lần : 0,5mg, 1 ngày : 1mg ; 7-9 tuổi : 1 lần : 0,6-0,7mg, 1 ngày : 1,2-1,5mg ; 10-14 tuổi : 0,75mg, 1 ngày : 1,5-2mg.

Chống chỉ định : Bệnh tăng huyết áp, cứng động mạch, viêm thận cấp và mạn, viêm gan, động kinh, bệnh uôn ván, bệnh Basedow.

Sucralfat

Tên khác : Sukralfat

Dạng thuốc : Viên nén 1g (hoặc 500mg), hỗn dịch uống.

Tác dụng : Chống loét ở niêm mạc dạ dày-ruột theo cơ chế như sau : Ở môi trường acid

của dạ dày, thuốc hòa tan và chuyển thành anion, sau đó trùng hợp tạo ra polyanion sucralfat, dưới dạng chất nhầy kết dính bao phủ niêm mạc dạ dày- tá tràng. Chất này gắn vào các protein mang điện tích dương ở miệng vết loét và phức hợp đó có tác dụng cố lập và bảo vệ vết loét.

Chỉ định : Loét dạ dày- tá tràng tiến triển : ngày 4 lần, mỗi lần 1 viên (uống khoảng 1/2-1 giờ trước bữa ăn và 1 viên vào khoảng 2 giờ sau bữa ăn tối). Phòng tái phát loét tá tràng ngày 2 lần, mỗi lần 1 viên (1viên vào nửa giờ trước bữa ăn sáng và 1 viên vào buổi tối như trên).

Chống chỉ định : Suy thận nặng, (do có aluminium)

Lưu ý : Tuy là lượng nhôm Al^{3+} giải phóng ở dạ dày được hấp thu rất ít, ở người suy thận mạn, nhôm có thể tích lũy ở mô não, (gây nguy cơ bệnh não)- Tránh dùng thời gian dài ở người bị giảm phosphat huyết (ưu năng cận giáp nguyên phát) và còi xương loạn dinh dưỡng nhôm vitamin D). Cũng tránh dùng một số loại thuốc khác đồng thời với thuốc này như Phenytoin, Warfarin Ciprofloxacin, Digoxin (nếu cần, phải uống cách nhau ít nhất 2 giờ). 2% số người dùng có thể bị táo bón.

Tác dụng phụ : Ngoài táo bón, có thể gặp nhưng hiếm hơn : Khô miệng, buồn nôn, nôn, phát ban ó da, chóng mặt. Nếu dùng dài ngày với liều cao, có nguy cơ giảm phosphor.

Sulforgan

Dạng thuốc : Lưu huỳnh hữu cơ thiên nhiên được hấp thụ dưới dạng dầu tự nhiên chứa lưu huỳnh có :

<i>Lưu huỳnh hữu cơ</i>	10%
- Viên nang có	0,04g
- Thuốc đạn người lớn :	
<i>Lưu huỳnh hữu cơ</i>	0,14g
<i>Ethoform</i>	0,02g
<i>Long não</i>	0,10g
- Thuốc đạn trẻ em có :	
<i>Lưu huỳnh hữu cơ</i>	0,07g
<i>Ethoform</i>	0,008g
<i>Long não</i>	0,05g

Tác dụng : Lưu huỳnh hữu cơ thiên nhiên gần giống với lưu huỳnh tẽ bào.

Chỉ định : Đường hô hấp: viêm mũi nhày mũi, viêm thanh quản, viêm hầu, viêm khí-phế quản, viêm phế quản, kéo dài tại phát-Thấp khớp hư khớp, - Eczema. Vẩy nến. Zona.